


PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên chất hoặc tên sản phẩm : ETHANOL Số CAS: Ethanol 64-17-5 Số UN: 1170 Số đăng ký EC: 200-578-6 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):		 DHC Dai Hoan Cau Ltd.	
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Cồn công nghiệp		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV Đại Hoàn Cầu 2/4/51/19 Lê Thúc Hoạch, P. Phú Thọ Hoà, Q. Tân Phú, TP.HCM Điện thoại: 08 62779771	
- Tên thương mại: Cồn công nghiệp			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: Công ty TNHH TM DV Đại Hoàn Cầu 2/4/51/19 Lê Thúc Hoạch, P. Phú Thọ Hoà, Q. Tân Phú, TP.HCM Điện thoại: 08 62779771			
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: Dùng cho mục đích công nghiệp: tẩy rửa, sát trùng, nuôi men vi sinh, chất đốt...			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức Hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm Theo HMIS (Mỹ): Sức khoẻ: 2, Dễ cháy: 3, Phản ứng: 0, Bảo vệ cá nhân: E Theo WHMIS (Canada): Nhóm B-2 (Chất lỏng có độ chớp cháy thấp hơn 37.8 ⁰ C)			
2. Cảnh báo nguy hiểm : - Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: Khi tiếp xúc trực tiếp với mắt sẽ có triệu chứng mắt đỏ, sưng, tiếp xúc lượng lớn có thể gây tổn thương nặng cho mắt, dẫn đến mù mắt - Đường thở: Khi tiếp xúc trực tiếp với hóa chất và hít thở một lượng lớn có thể có các triệu chứng sau về đường hô hấp: thở gấp, buồn nôn, nhức đầu - Đường da: khi tiếp xúc với số lượng nhiều hoặc tiếp xúc thường xuyên với hóa chất có thể có các triệu chứng sau về da: Da khô, nứt nẻ, đỏ ửng - Đường tiêu hóa: Khi nuốt phải hóa chất, sẽ có những triệu chứng như thở gấp chóng mặt nhức đầu, trúng độc			
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt ngay bằng nước sạch, với lượng nước nhiều và liên tục trong vòng 15 phút, chớp mắt liên tục trong khi rửa với nước.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): rửa ngay vùng da bị tổn thương với nước sạch và xà phòng, cởi bỏ ngay quần áo đã bị dính hóa chất
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): di chuyển ngay ra nơi có không khí trong lành, đến ngay trung tâm y tế gần nhất
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): uống ngay 2 ly nước lớn, thọc tay vào cổ họng hoặc các biện pháp khác để có thể nôn ra, đến ngay trung tâm y tế gần nhất
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** : dễ cháy nếu có tác động từ bên ngoài
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** khí, khói
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** : tia lửa, ma sát
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**
Hóa chất foam, khô – carbon dioxide, xít nước
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**
Quần áo bảo hộ chống cháy, mặt nạ chống cháy, thùng chứa nước lạnh
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có) : cẩn thận khi dùng nước, lượng nước lớn có thể khiến đám cháy chất lỏng lan ra.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:** lau sạch
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:** tránh để tiếp xúc với tia lửa, lau sạch bằng vải mềm hoặc có thể dùng cát để ngăn chặn chất lỏng lan rộng. Tất cả nhân viên vào vùng có hóa chất phải có trang bị thiết bị bảo hộ, Có thể thông báo với các cơ quan chức năng nếu cần thiết.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** lưu ý đến việc vận chuyển hóa chất, phải đóng gói cẩn thận và không được sử dụng các dụng cụ dễ gây ma sát và tia lửa điện
Tránh để hóa chất tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Tránh hít hơi hóa chất. Sau khi tiếp xúc với hóa chất phải rửa thật sạch.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** : Chứa hóa chất trong các thùng kín, tránh những nơi có nhiệt độ cao, chứa tại nơi khô ráo, có nhiệt độ thấp và hệ thống thông khí tốt.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** : NIOSH/MSHA, đảm bảo hệ thống thông gió tốt, nhân viên tiếp xúc trực tiếp phải được trang bị quần áo bảo hộ đúng tiêu chuẩn
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ theo tiêu chuẩn OSHA, nên sử dụng kính che toàn mặt
 - Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ
 - Bảo vệ tay: đeo găng tay
 - Bảo vệ chân: đeo ủng
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố;**
- 4. Các biện pháp vệ sinh:** tắm, khử độc

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng không màu ở 25 ⁰ C	Điểm sôi (⁰ C) 78.5
Ngưỡng mùi: 100ppm	Điểm tan chảy (⁰ C): -114.1 ⁰
Trọng lượng riêng : 0.79 kg/L	Tỷ lệ bay hơi: (Butyl Acetate=1): Chậm hơn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) :	Độ hòa tan trong nước : 100% at 20 ⁰ C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1.59	Bay hơi: 100%

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. **Tính ổn định** : ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường

2. **Khả năng phản ứng:**

- Các phản ứng nguy hiểm : cháy, nổ
- Tránh tiếp xúc axit mạnh, các chất oxy hóa và kim loại alkali
- Sự phân hủy nhiệt có thể gây ra bởi chất carbon monoxide và carbon dioxide
- Sự polymer hóa không xảy ra

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Ethanol	Gây kích ứng da, mắt	5ppm	Da , mắt	Người
		500mg/24h	Da	Thỏ
		40mg	Mắt	Thỏ
	LCLo	64000 ppm/4H	Hô hấp	Chuột
	LD50	9540 mg/kg	Hô hấp	Chuột
	LDLo	340mg/kg	Tiêu hóa	Người
	LD50	5628mg/kg	Tiêu hóa	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người : gây kích ứng da, mắt
2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính đối với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả

2. **Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học:
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: sử dụng cát, bơm
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy: chôn lấp, tìm hiểu thêm quy định về chất thải độc hại U154 / RCRA
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 9/11/2009 quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	1170		Loại 3, nhóm II	Phuy hoặc bằng tàu		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : HMIS**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 08 tháng 07 năm 2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **Công ty TNHH TM DV ĐẠI HOÀN CẦU**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.